**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ YÊU CẦU THÂM NIÊN ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN THẠC SĨ**

| **TT** | **Mã ngành đào tạo**  | **Tên chuyên ngành đào tạo**  | **Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay**  | **Danh mục ngành gần phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi**  | **Danh mục ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi** | **Yêu cầu kinh nghiệm công tác** | **Số môn học/thời lượng bổ túc kiến thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| 1 | 8320101.01 | Báo chí học | Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế | Văn học, Ngôn ngữ, Chính trị học, Quốc tế học, Xã hội học, Lịch sử, Triết học, Luật, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lí học, Thông tin học, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn điện ảnh - truyền hình, Quay phim, Xuất bản. | Không tuyển | - Người tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 8 môn/ 23 tín chỉ |
| 2 | 8320101.01 | Báo chí học (định hướng ứng dụng) | Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế | Văn học, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Xã hội học, Văn hóa học, Triết học, Luật, Kinh tế, Nhân hoc, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Xuất bản – Phát hành, Quan hệ quốc tế, Thông tin đối ngoại, Đạo diễn truyền hình, Biên tập truyền hình, Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Quảng cáo và Marketing, Xuất bản. | Tất cả những người có bằng đại học ngành khác và phải có tối thiểu 03 sản phẩm báo chí truyền thông đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) và cột (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 12 môn/ 36 tín chỉ |
| 3 | 8310608.01 | Châu Á học | Đông phương học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học | Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Ả rập, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | - 4 môn/12 tín chỉ |
| 4 | 8340402.01 | Chính sách công | Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật (phải học BTKT 12 tín chỉ) | Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lí nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự (phải học BTKT 15 tín chỉ). | Người tốt nghiệp đại học ngành khác (phải học BTKT 24 tín chỉ) có ít nhất 02 năm kinh nghiệm và phải đang công tác trong lĩnh vực phân tích và hoạch định chính sách (Cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp); người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quản lí, chính sách tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ khác. | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng cột (3): 4 môn/12 tín chỉ.- Đối tượng cột (4): 5 môn/15 tín chỉ.- Đối tượng cột (5): 8 môn/24 tín chỉ |
| 5 | 8310201.01 | Chính trị học | Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế | Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | - 7 môn/25 tín chỉ |
| 6 | 8310201.01 | Chính trị học/Chính trị học (định hướng ứng dụng) | Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế | Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự | Tất cả các ngành khác *(theo Công văn số 1722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020 của Đại học Quốc gia Hà Nội)* | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn trong lĩnh vực Chính trị học (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng tốt nghiệp các ngành tại cột (4) học 5 môn/15 tín chỉ.- Đối tượng tốt nghiệp các ngành tại cột (5) học 9 môn/25 tín chỉ. |
| 7 | 8229001.02 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.  | Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 11 môn/24 tín chỉ |
| 8 | 8760101.01 | Công tác xã hội | Công tác xã hội | Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Khoa học Quản lý, Đông Phương học, Báo chí, Chính trị học/Sư phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Lịch sử (có định hướng chuyên ngành Nhân học) | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | - 10 môn/29 tín chỉ |
| 9 | 8760101.01 | Công tác xã hội (định hướng ứng dụng) | Công tác xã hội | Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Chính trị học, Sư phạm giáo dục chính trị, Nhân học | Tất cả những người có bằng đại học ngành khác. | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng cột (4): 10 môn/29 tín chỉ.- Đối tượng cột (5): 12 môn/35 tín chỉ |
| 10 | 8810101.01 | Du lịch | Du lịch, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Hướng dẫn viên du lịch (công văn 3154/ĐHGQHN ngày 11/8/2017). | Việt Nam học, Khoa học Quản lý, Quản lý Văn hóa, Quản trị Kinh doanh | Tất cả những người có bằng đại học ngành khác. | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng cột (4): 7 môn/21 tín chỉ.- Đối tượng cột (5): 9 môn/27 tín chỉ |
| 11 | 8220104.01 | Hán Nôm | Hán Nôm, Ngữ văn (Hán Nôm) | Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 9 môn/23 tín chỉ |
| 12 | 8310204.01 | Hồ Chí Minh học | Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế | Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | - 7 môn/25 tín chỉ |
| 13 | 8229010.01 | Khảo cổ học | Lịch sử/Sư phạm Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học, Bảo tàng học (công văn 3145/ĐHQGHN ngày 11/8/2017) | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 14 | 8340401.01 | Khoa học quản lí | Khoa học quản lí, Quản lí xã hội | Quản lý công, Chính sách công, Chính sách Khoa học và Công nghệ, Hành chính công; Quản lý nhân lực; Quản trị kinh doanh; Khoa học chính trị; Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường; Điều khiển học kinh tế, Quản lý công nghệ và doanh nghiệp, Quản lý Môi trường, Quản lý giáo dục, Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý du lịch, Hệ thống thông tin trong quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục và các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý | Không tuyển | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và tốt nghiệp từ loại Khá trở lên tại cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 6 môn/18 tín chỉ |
| 15 | 8320201.01 | Khoa học thông tin thư viện | Thông tin - Thư viện, Thư viện – Thông tin; Thông tin học; Quản trị thông tin; Thông tin học & Quản trị thông tin; Khoa học Thư viện; Thư viện học | Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lí, Khoa học quản lí | Không tuyển | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 12 môn/24 tín chỉ |
| 16 | 8320201.01 | Khoa học thông tin thư viện (định hướng ứng dụng) | Thông tin - Thư viện, Khoa học Thư viện, Thông tin học, Quản trị thông tin. | Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lí, Khoa học quản lí | Tất các các ngành khác | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng cột (4): 12môn/24 tín chỉ- Đối tượng cột (5): 15 môn/ 30 tín chỉ |
| 17 | 8229030.01 | Lí luận văn học | Văn học, Sư phạm ngữ văn | Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 7 môn/ 21 tín chỉ |
| 18 | 8210232.01 | Lí luận, lịch sử điện ảnh - truyền hình | Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, Quay phim điện ảnh, Diễn viên kịch – điện ảnh, Đạo diễn sân khấu, Hội họa, Điêu khắc, Kiến trúc, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Văn học, Lý luận và phê bình sân khấu, Lí luận, lịch sử và phê bình mĩ thuật | Sư phạm Ngữ văn, Văn hóa học, Báo chí, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, lý luận và phê bình mỹ thuật, Thiết kế mỹ thuật sân khấu-điện ảnh, Nhiếp ảnh, Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Thông tin học, Quan hệ công chúng, Quốc tế học, Đông phương học, Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lí luận, phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lí văn hóa; Sáng tác văn học; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 522202) | Người tốt nghiệp đại học ngành khác phải có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch của Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh TP Hồ Chí Minh. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017) | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017) | - Đối tượng cột (4): 6 môn/19 tín chỉ- Đối tượng cột (5): 8 môn/ 25 tín chỉ |
| 19 | 8229010.02 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 20 | 8229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 21 | 8229010.03 | Lịch sử thế giới | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 22 | 8229040.01 | Lịch sử văn hóa Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 23 | 8229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không tuyển | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 8 môn/ 24 tín chỉ |
| 24 | 8320303.01 | Lưu trữ học | Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học | Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 12 môn/ 25 tín chỉ |
| 25 | 8320303.01 | Lưu trữ học (định hướng ứng dụng) | Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học | Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 10 môn/ 25 tín chỉ |
| 26 | 8229020.01 | Ngôn ngữ học | Ngôn ngữ học, Ngữ văn (tốt nghiệp từ 1995 trở về trước), Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam | Ngữ Văn, Sư phạm Ngữ Văn,Văn học, Hán Nôm, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ A rập, Đông phương học, Châu Á học, Đông Nam Á học, Nhân học, Báo chí, Tâm lý học. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 6 môn/ 20 tín chỉ |
| 27 | 8310302.01 | Nhân học | Nhân học, Lịch sử (định hướng chuyên ngành Dân tộc học) | Xã hội học, Công tác xã hội, Tâm lí học, Việt Nam học, Văn hóa học, Chính trị học, Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam, Bảo tàng học. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 4 môn/ 12 tín chỉ |
| 28 | 8310601.01 | Quan hệ quốc tế | Quốc tế học, Quan hệ quốc tế | Lịch sử, Triết học, Kinh tế học, Luật học, Chính trị học, Châu Á học/Đông Phương học, Việt Nam học, Xã hội học, Văn hóa học, Nhân học, Tôn giáo học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Thông tin đối ngoại, Chính sách công, Công tác xã hội, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (công văn 4384/ĐHQGHN-ĐT ngày 30/12/2016).  | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 10 môn/26 tín chỉ |
| 29 | 8340412.01 | Quản lí Khoa học và Công nghệ | Khoa học quản lí (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017) | Tất cả các ngành | Tất cả các ngành | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 10 môn/ 27 tín chỉ |
| 30 | 8340412.01 | Quản lí Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng) | Khoa học quản lí (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017) | Tất cả các ngành | Tất cả các ngành | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 10 môn/ 27 tín chỉ |
| 31 |   | Quản lí văn hóa | - Quản lí văn hóa (được thi ngay sau khi tốt nghiệp theo Công văn số 1060 ngày 12/4/2020 của ĐHQGHN)- Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lí, Nhân học (phải học BTKT) | Ngôn ngữ học, Văn học, Hán Nôm, Đông phương học, Đông Nam Á học, Triết học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị khách sạn, Quốc tế học, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Thông tin học, Khoa học thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Tâm lí học, Xã hội học, Công tác xã hội, Tôn giáo học | Tất cả các ngành | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học cột (4), phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học cột (5), phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 11 môn/30 tín chỉ |
| 32 | 8340406.01 | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng | Khoa học quản lý, Khoa học chính trị, Quản lý nhà nước, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học, Lưu trữ học, Thông tin học, Khoa học thư viện. |  Báo chí, Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Kế toán, Giáo dục học, Lịch sử, Luật học, Nhân học, Ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga), Quản lý văn hóa, Tài chính – Ngân hàng, Tâm lý học, Thống kê, Toán học, Xã hội học | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.  | - Đối tượng cột (4): 9 môn/20 tín chỉ- Đối tượng cột (5): 11 môn/ 26 tín chỉ |
| 33 | Thí điểm | Quản trị báo chí truyền thông | Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Truyền thông đại chúng | Lí luận, lịch sử điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – Truyền hình, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Kinh tế, Chính trị học, Quản lí nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lí học, Quốc tế học, Công nghệ truyền thông, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Thông tin – Thư viện, Quản lí thông tin, Quản trị kinh doanh, Marketing, Khoa học quản lí, Quản lí công, Luật. | Tất cả các ngành khác | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi. | - Đối tượng cột (4): 7 môn/20 tín chỉ- Đối tượng cột (5): 10 môn/ 29 tín chỉ.Những ứng viên thuộc đối tượng cột (4), (5) có thẻ hội viên Hội Nhà báo Việt Nam được miễn 03 học phần: *Kĩ năng viết cho báo in-báo điện tử, Kĩ năng viết cho Phát thanh-Truyền hinh, Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông.* |
| 34 | 8310401.01 | Tâm lí học | Tâm lí học, Tâm lí giáo dục | Xã hội học, Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Sư phạm mẫu giáo, Y tế công cộng; Quản lý giáo dục. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 17 môn/ 31 tín chỉ |
| 35 | 8310401.02 | Tâm lí học lâm sàng (định hướng ứng dụng) | Tâm lí học, Tâm lí học Giáo dục | Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Y tế công cộng, Y đa khoa, Y học dự phòng | Không tuyển | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 9 môn/ 27 tín chỉ |
| 36 | 8229009.01 | Tôn giáo học | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị. | Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học Quản lý, Nhân học, Lịch sử, Khoa học Chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (ở trong và ngoài nước) | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 10 môn/24 tín chỉ |
| 37 | 8229009.01 | Tôn giáo học (định hướng ứng dụng) | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị. | Tâm lí học, Xã hội học, Khoa học quản lí, Nhân học, Lịch sử, Khoa học chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (học bổ sung BTKT 24 tín chỉ, yêu cầu 1 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Tôn giáo học) | Tất cả các ngành | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn, người tốt nghiệp tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | - Đối tượng cột (4): 10 môn/24 tín chỉ- Đối tượng cột (5): 13 môn/31 tín chỉ |
| 38 | 8229001.01 | Triết học | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.  | Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 11 môn/24 tín chỉ |
| 39 | 8229030.03 | Văn học nước ngoài | Văn học, Sư phạm ngữ văn | Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Báo chí truyền thông. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 7 môn/ 21 tín chỉ |
| 40 | 8229030.04 | Văn học Việt Nam | Văn học, Sư phạm ngữ văn | Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông. | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 7 môn/ 21 tín chỉ |
| 41 | 8229030.02 | Văn học/ Văn học dân gian | Văn học, Sư phạm ngữ văn | Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Báo chí - Truyền thông | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 7 môn/ 21 tín chỉ |
| 42 | 8310630.01 | Việt Nam học | Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài. | Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Triết học, Báo chí, Nhân học, Quốc tế học, Luật học, Quản lý xã hội, Chính trị học, Hán Nôm, Xã hội học, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành,Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Địa lý học, Khoa học môi trường, Kinh tế học, các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 5222202) | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 10 môn/ 26 tín chỉ |
| 43 | 8310301.01 | Xã hội học | Xã hội học | Công tác xã hội, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Triết học, Luật học, Nhân học, Đông phương học, Việt Nam học, Kinh tế học | Không tuyển | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 13 môn/ 28 tín chỉ |